

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 17/9/2023**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Hoàng Thị An	Nữ	30/4/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	1833/QĐ443/2023	TH006308	
2	Hoàng Thị Trâm Anh	Nữ	26/10/1999	Nghệ An	Thái	7.3	8.5	1834/QĐ443/2023	TH006309	
3	Phan Hoàng Anh	Nữ	11/02/1997	Nghệ An	Kinh	7.3	7.5	1835/QĐ443/2023	TH006310	
4	Ngô Bùi Thục Chi	Nữ	13/3/1999	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	1836/QĐ443/2023	TH006311	
5	Lê Hữu Cường	Nam	29/12/1986	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	1837/QĐ443/2023	TH006312	
6	Nguyễn Công Danh	Nam	08/01/1999	Nghệ An	Kinh	7.3	7.0	1838/QĐ443/2023	TH006313	
7	Lê Đình Đức	Nam	23/6/1998	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	1839/QĐ443/2023	TH006314	
8	Lê Anh Đức	Nam	28/8/1995	Nghệ An	Kinh	7.0	8.0	1840/QĐ443/2023	TH006315	
9	Nguyễn Phúc Đức	Nam	11/11/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	1841/QĐ443/2023	TH006316	
10	Nguyễn Thị Dung	Nữ	20/5/1995	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	1842/QĐ443/2023	TH006317	
11	Hồ Trần Dũng	Nam	29/10/1994	Nghệ An	Kinh	7.7	8.0	1843/QĐ443/2023	TH006318	
12	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	08/10/1988	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	1844/QĐ443/2023	TH006319	
13	Phạm Thị Hằng	Nữ	10/01/2002	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	1845/QĐ443/2023	TH006320	
14	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	02/8/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	1846/QĐ443/2023	TH006321	
15	Phạm Thị Hương	Nữ	12/10/1991	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	1847/QĐ443/2023	TH006322	
16	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Nữ	28/8/2000	Nghệ An	Kinh	7.0	7.5	1848/QĐ443/2023	TH006323	
17	Tạ Quang Long	Nữ	15/02/1999	Quảng Bình	Kinh	6.3	6.5	1849/QĐ443/2023	TH006324	
18	Lê Thị Hiền Lương	Nữ	03/9/1998	Nghệ An	Thái	7.0	7.5	1850/QĐ443/2023	TH006325	
19	Nguyễn Thanh Mai	Nữ	02/01/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	6.5	1851/QĐ443/2023	TH006326	
20	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	28/8/1997	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	1852/QĐ443/2023	TH006327	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
21	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	16/11/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	1853/QĐ443/2023	TH006328	
22	Nguyễn Mai Sương	Nữ	11/02/2000	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	1854/QĐ443/2023	TH006329	
23	Nguyễn Duy Thắng	Nam	02/11/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	1855/QĐ443/2023	TH006330	
24	Lê Xuân Thành	Nam	26/4/1999	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	1856/QĐ443/2023	TH006331	
25	Kiều Thị Phương Thảo	Nữ	25/12/1995	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	1857/QĐ443/2023	TH006332	
26	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Nữ	15/3/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	1858/QĐ443/2023	TH006333	
27	Lê Thị Thùy	Nữ	25/8/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	1859/QĐ443/2023	TH006334	
28	Hoàng Thị Thủy	Nữ	01/6/2000	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	1860/QĐ443/2023	TH006335	
29	Lô Thị Thanh Thủy	Nữ	28/3/1997	Nghệ An	Thái	6.7	7.0	1861/QĐ443/2023	TH006336	
30	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	09/01/2001	Đắk Lắk	Kinh	7.7	8.5	1862/QĐ443/2023	TH006337	
31	Hoàng Thị Hà Trang	Nữ	17/3/2000	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	8.0	1863/QĐ443/2023	TH006338	
32	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	18/7/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	1864/QĐ443/2023	TH006339	
33	Trần Thị Thảo Trang	Nữ	12/3/2002	Nghệ An	Kinh	7.3	9.5	1865/QĐ443/2023	TH006340	
34	Vũ Đình Trường	Nam	01/8/1997	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	1866/QĐ443/2023	TH006341	
35	Ngô Thị Xuân	Nữ	26/01/1999	Đà Nẵng	Kinh	7.0	7.0	1867/QĐ443/2023	TH006342	

